

Bản án số: 25/2023/HSST

Ngày: 02/8/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Long

2. Bà Trần Thị Minh Hiền

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 23/2023/HSST ngày 05/7/2023 đối với bị cáo:

Cao Bá H; sinh ngày: 10/9/1983; giới tính: nam; nơi cư trú: khu vực T, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: kỹ sư điện; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Cao Bá C (chết) và bà Ngô Thị N; vợ Hoàng Thị Kim T, có 02 con (lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2018); Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/4/2023 cho đến nay. (có mặt)

***Bị hại: Công ty Cổ phần Đ**

Trụ sở: 255 đường H, khu V, phường E, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 03/4/2023): Ông Nguyễn Đăng T1, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu V, phường C, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh **Nguyễn Thanh T2**, sinh năm 1983

Địa chỉ: khu V, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

2. Bà **Võ Thị T3**, sinh năm 1978

Địa chỉ: khu vực B, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

3. Chị **Hoàng Thị Kim T**, sinh năm 1983

Địa chỉ: khu V, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Người làm chứng:* Ông **Trương Văn T4, sinh năm 1966

Địa chỉ: A khu V, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

NHẬN THẤY

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 10 giờ sáng ngày 24/3/2023, bị cáo di chuyển trên tỉnh lộ 922 thì phát hiện một số cặp thép I300 để ở 03 vị trí khác nhau, mỗi vị trí cách nhau khoảng 200m thuộc địa bàn ấp Đ, xã Đ nên bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm. Đến khoảng hơn 09 giờ ngày 26/3/2023, bị cáo cùng anh Nguyễn Thanh T2 và ông Trương Văn T4 kiểm tra mặt bằng san lấp, bị cáo nói với anh T2, ông T4 *“số cặp thép I300 để sát mé lộ 922 bị lỗi có mua không, thằng em đang thi công công trình do sai thiết kế cần bán gấp để kiểm tra sẽ không cho thi công”*, bị cáo ra giá 12.000đồng/kg nên anh T2 và ông T4 nói sẽ tìm người bán. Đến khoảng hơn 12 giờ cùng ngày, anh T2 đến Công ty V ở phường P, quận Ô, liên hệ với chị T3 và thống nhất giá bán 13.000đồng/kg, anh T2 báo cho bị cáo biết và thống nhất số tiền tiền hoa hồng cho anh T2 được hưởng. Phía chị T3 sẽ vận chuyển số thép theo địa chỉ anh T2 cung cấp, với trọng lượng cân thép là $4.250\text{kg} \times 13.000\text{đồng/kg} = 56.750.000\text{đồng}$. Chị T3 trả tiền mặt cho anh T2 số tiền 7.875.000đồng. Số tiền còn lại 48.875.000đồng chị T3 chuyển khoản cho bị cáo.

Đến ngày 28/3/2023, phía bị hại là Công ty Cổ phần Đ phát hiện mất tài sản, qua tìm kiếm phát hiện 10 cặp thép I300 đang ở trụ sở Công ty V nên đã trình báo sự việc trên.

Tại kết luận định giá tài sản số: 92/KL-HĐĐG ngày 10/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc UBND huyện T, kết luận: 10 (mười) cặp thép I300 sơn màu xám tương đương với 20 cây thép I300, trong

đó có 06 cặp thép I300 có chiều dài 5.5m có cọc nhọn và 04 cặp thép I300 không có cọc nhọn có chiều dài 6m đã qua sử dụng có giá 100.000.000đồng.

Tại bản cáo trạng số 24/CT-VKSTL ngày 04/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai đã truy tố Cao Bá H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo tội Trộm cắp tài sản. Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, Điều 38, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Và đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đối với xử lý vật chứng vụ án.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với thời gian, vật chứng thu giữ, lời khai của người làm chứng, biên bản sự việc và những chứng cứ khác đã thu thập. Hành vi lấy trộm 10 cặp thép I300 chiều dài 6m có giá 100.000.000đồng mà bị cáo đã thực hiện đủ dấu hiệu cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự đúng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai đã truy tố.

[3] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi bị cáo thực hiện đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật

bảo vệ, gây hoang mang dư luận và mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo biết các cặp thép I300 là của đơn vị thi công đường ống nước sạch trên địa bàn xã Đ, tuyến lộ 922, lợi dụng lúc không có người trông giữ, bị cáo đã tìm cách để trộm cắp, cụ thể là bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối về nguồn gốc tài sản và mượn ông T4, anh T2 đi tìm người bán, người vận chuyển tài sản và bị cáo là người được hưởng lợi 48.875.000đồng. Qua đó cho thấy bị cáo có ý thức phạm tội tới cùng, bản thân bị cáo có nghề nghiệp và có công ty riêng nhưng vì hám lợi mà bị cáo bất chấp, xem thường pháp luật.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Với hành vi này, cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để bảo đảm tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung và mức án Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[5] Đối với chị T3, anh T2 và ông T4 không biết số thép bị cáo kê bán là tài sản trộm cắp nên cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng:

[6.1] Ghi nhận Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại 10 cặp thép I300 có chiều dài từ 5.5 mét đến 06 mét.

[6.2] Chị Võ Thị T3 được nhận lại số tiền 56.750.000đồng (trong đó, gồm 7.875.000đồng của Nguyễn Thanh T2 giao nộp và 48.875.000đồng của chị Hoàng Thị Kim T giao nộp).

[6.3] Tịch thu sung công quỹ: Một điện thoại di động hiệu S S20 màu xám có IMEIL 1354896110715787; tịch thu tiêu hủy sim số 0786535678; trả lại cho bị cáo sim số 0786065065.

[6.4] Trả lại cho anh Nguyễn Thanh T2 một điện thoại di động hiệu OPPO màu tím có gắn hai sim số có hai số IMEIL1: 860028040756058 và số IMEIL2: 860028040756041 gắn sim số điện thoại 0925005218 và số điện thoại 033663149.

[6.5] Lưu hồ sơ một USB chứa một đoạn camera quay có thời lượng 55 giây và hai đoạn ghi âm cuộc gọi ngày 26/3/2023.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không đặt ra xem xét;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Cao Bá H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Cao Bá H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn phạt tù được tính từ ngày 02/4/2023.

2. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

2.1. Ghi nhận Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại 10 cặp thép I300 có chiều dài từ 5.5 mét đến 06 mét.

2.2. Chị Võ Thị T3 được nhận lại số tiền 56.750.000đồng (trong đó, gồm 7.875.000đồng của Nguyễn Thanh T2 giao nộp và 48.875.000đồng của chị Hoàng Thị Kim T giao nộp).

2.3. Tịch thu sung công quỹ: Một điện thoại di động hiệu S S20 màu xám có IMEIL 1354896110715787; tịch thu tiêu hủy sim số 0786535678; trả lại cho bị cáo sim số 0786065065.

2.4. Trả lại cho anh Nguyễn Thanh T2 một điện thoại di động hiệu OPPO màu tím có gắn hai sim số có hai số IMEIL1: 860028040756058 và số IMEIL2: 860028040756041 gắn sim số điện thoại 0925005218 và số điện thoại 033663149.

2.5. Lưu hồ sơ một USB chứa một đoạn camera quay có thời lượng 55 giây và hai đoạn ghi âm cuộc gọi ngày 26/3/2023.

3. Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TPCT;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Trúc